

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2023
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Lô
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Lưu Thị Thùy Tr, sinh năm 1995; Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện T, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Lê Nguyễn Minh Ph, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số XX, ấp X, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Lưu Thị Thùy Tr trình bày: Qua thời gian tìm hiểu quen biết nhau, bà và ông Lê Nguyễn Minh Ph tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh

Long An vào ngày 05/9/2019. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì Ph sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, tính cách không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã nên bà và ông Ph sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Hiện tại, bà đang sinh sống cùng với cha mẹ ruột tại xã T, huyện T, tỉnh Long An. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nguyễn Minh Ph.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà xác định bà và ông Ph không có con chung.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông Ph không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Ph không có nợ ai.

- *Tại bản trình bày ý kiến ngày 11/11/2022, bị đơn ông Lê Nguyễn Minh Ph có ý kiến như sau:* Theo yêu cầu ly hôn của bà Võ Lưu Thị Thùy Tr thì ông không đồng ý ly hôn. Đồng thời, trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn là ông Lê Nguyễn Minh Ph được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Ph vẫn vắng mặt.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Không tiến hành hòa giải được do ông Ph vắng mặt và bà Tr có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Lưu Thị Thùy Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Nguyễn Minh Ph. Ông Ph hiện đang cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Võ Lưu Thị Thùy Tr có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là ông Lê Nguyễn Minh Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Võ Lưu Thị Thùy Tr:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông Ph tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 75/2019 đăng ký ngày 05/9/2019 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Long An cấp nên xác định hôn nhân giữa bà Tr và ông Ph là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống giữa bà Tr và ông Ph đã Ph sinh mâu thuẫn với những nguyên nhân do bà Tr trình bày và vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 cho đến nay. Ông Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án biết được việc bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Ph tại Tòa án nhưng ông Ph chỉ thể hiện ý kiến không đồng ý ly hôn với bà Tr. Sau đó, ông Ph luôn vắng mặt, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm với bà Tr. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm giữa bà Tr và ông Ph là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Ph là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cho bà Tr được ly hôn với ông Ph là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Bà Tr xác định bà Tr và ông Ph không có con chung nên Hội đồng không xem xét.

[4.3] Về chia tài sản: Do ông Ph có tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày việc chia tài sản. Bà Tr xác định bà Tr và ông Ph không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên có Ph sinh tranh chấp về tài sản sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[4.4] Về nợ chung: Do ông Ph có tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày về nợ chung. Bà Tr xác định bà Tr và ông Ph không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên có Ph sinh tranh chấp về nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Lưu Thị Thùy Tr về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Nguyễn Minh Ph.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Lưu Thị Thùy Tr được ly hôn với ông Lê Nguyễn Minh Ph.

2. Về án phí: Buộc bà Võ Lưu Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Tr đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006278 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Võ Lưu Thị Thùy Tr đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Long An;
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiên Phương